

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ I - NĂM HỌC 2025-2026
Môn: Ngữ văn 11

I. CẤU TRÚC, GIỚI HẠN

1. Cấu trúc đề

- Cấu trúc: 2 phần
- + Phần 1: Đọc hiểu
- + Phần 2: Viết
- Thời gian làm bài: 90 phút
- Hình thức: Tự luận

2. Giới hạn

I. Đọc Hiểu (5.0 điểm)

- Truyện ngắn của Nam Cao và Kim Lân (tương ứng với Bài 1- Câu chuyện và điểm nhìn trong truyện kể)
- Yêu cầu: 5 câu hỏi Đọc Hiểu theo cấu trúc 2 câu nhận biết (0,5 điểm/câu), 2 câu thông hiểu (1.0 điểm/câu); riêng câu số 5 vận dụng viết: Viết đoạn văn 5-7 câu về một vấn đề xã hội/vấn đề văn học được gợi ra từ văn bản (2.0 điểm/câu)

II. Làm văn: Viết bài văn 500 chữ phân tích nghệ thuật tự sự/nghệ thuật kể truyện trong truyện ngắn ở Phần Đọc hiểu.

II. MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ MA TRẬN

1. Khung ma trận

TT	Thành phần năng lực	Mạch nội dung	Số câu	Cấp độ tư duy						Tổng %
				Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		
				Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	Số câu	Tỉ lệ	
I	Năng lực Đọc	<i>Văn bản đọc hiểu</i>	5	2	10 %	2	20 %	1	20 %	
II	Năng lực Viết	<i>Nghị luận văn học</i>	1	12,5%		15%		22,5%		50%
Tỉ lệ%				22,5%		35%		42,5%		100%
Tổng			6	100%						

2. Bản đặc tả ma trận

2.1. Truyện ngắn, tiểu thuyết hiện đại

Nhận biết:

- Nhận biết được đề tài, câu chuyện, sự kiện, chi tiết tiêu biểu, không gian, thời gian, nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.

- Nhận biết được người kể chuyện (ngôi thứ ba hoặc ngôi thứ nhất), lời người kể chuyện, lời nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.
- Nhận biết được điểm nhìn, sự thay đổi điểm nhìn; sự nối kết giữa lời người kể chuyện và lời của nhân vật.
- Nhận biết một số đặc điểm của ngôn ngữ văn học trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.

Thông hiểu:

- Tóm tắt được cốt truyện của truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại.
- Phân tích, lí giải được mối quan hệ của các sự việc, chi tiết trong tính chỉnh thể của tác phẩm.
- Phân tích được đặc điểm, vị trí, vai trò của nhân vật trong truyện ngắn/ tiểu thuyết hiện đại; lí giải được ý nghĩa của nhân vật.
- Nêu được chủ đề (chủ đề chính và chủ đề phụ trong văn bản nhiều chủ đề) của tác phẩm.
- Phân tích và lí giải được thái độ và tư tưởng của tác giả thể hiện trong văn bản.
- Phát hiện và lí giải được các giá trị văn hóa, triết lí nhân sinh của tác phẩm.

Vận dụng:

- Nêu được ý nghĩa hay tác động của văn bản tới quan niệm, cách nhìn của cá nhân với văn học và cuộc sống.
- Thể hiện thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản.

Vận dụng cao:

- Vận dụng kinh nghiệm đọc, trải nghiệm về cuộc sống, hiểu biết về lịch sử văn học để nhận xét, đánh giá ý nghĩa, giá trị của tác phẩm.
- So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài ở các giai đoạn khác nhau; liên tưởng, mở rộng vấn đề để hiểu sâu hơn với tác phẩm.

2.2. Viết văn bản nghị luận về một đoạn trích văn xuôi

Nhận biết:A

- Giới thiệu được đầy đủ thông tin chính về tên tác phẩm, tác giả,... của đoạn trích/tác phẩm.
- Đảm bảo cấu trúc, bố cục của một văn bản nghị luận.

Thông hiểu:

- Trình bày được những nội dung khái quát của tác phẩm.
- Phân tích được những biểu hiện riêng của nghệ thuật kể chuyện: ngôi kể, điểm nhìn, mạch truyện, ngôn ngữ, giọng điệu.
- Nêu và nhận xét về nội dung, một số nét nghệ thuật đặc sắc.
- Kết hợp được lí lẽ và dẫn chứng để tạo tính chặt chẽ, logic của mỗi luận điểm.
- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt.

Vận dụng:

- Nêu được những bài học rút ra từ đoạn trích/tác phẩm.
- Thể hiện được sự đồng tình / không đồng tình với thông điệp của tác giả (thể hiện trong đoạn trích/tác phẩm).

Vận dụng cao:

- Sử dụng kết hợp các phương thức miêu tả, biểu cảm, tự sự,... để tăng sức thuyết phục cho bài viết.
- Vận dụng hiệu quả những kiến thức Tiếng Việt lớp 11 để tăng tính thuyết phục, sức hấp dẫn cho bài viết.

III. ĐỀ MINH HỌA

ĐỀ 1

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

Lược dẫn: Gia đình anh chị Chuột gồm bốn miệng ăn đang ở trong hoàn cảnh nghèo đói phải vay tiền của bà Huyện để mua gạo, mua thuốc cho chồng ốm nặng. Chị đi Chuột phải nấu cơm và vờ bảo là chè để dỗ hai con ăn cho đỡ đói, dành cơm trắng cho anh đi¹ Chuột mong anh mau hết bệnh. Khi nồi cơm được bê lên, lũ trẻ rất háo hức vì được ăn chè, nhưng được miếng thứ hai thì thằng cu bé không thể nuốt trôi và khóc òa lên. Còn cái Gái đã lớn nên hiểu chuyện, nó và chị đi Chuột vẫn cố ăn những bát cơm cho đỡ đói. Để dỗ thằng cu bé nín, chị đi Chuột liền bế nó vào chỗ anh đi Chuột đang nằm để hỏi han và xin chút cơm trắng cho thằng cu bé ăn. Anh đi Chuột biết vì sao nó khóc, cho nên khi chị đi Chuột vừa bế con ra để đi mua thuốc cho anh thì anh liền gọi cái Gái vào hỏi chuyện.)

... Người cha khốn nạn nhìn đứa con chòng chọc, thở dài. Một giọt lệ từ từ lăn xuống chiếu.

- Thầy bảo gì con ạ?

- Lúc này mẹ con mày ăn cơm phải không?

Gái gượng cười cãi:

- Ăn chè đây chứ.

Bố nó chép miệng:

- Khốn nạn, chè đâu mà ăn, cơm còn không có nữa là chè! Rõ mày khổ từ trong bụng mẹ...

Cái Gái cúi đầu xuống không nói. Anh đi Chuột thở dài:

- Con đi lấy cho thầy cái ghế buộc giậu² với sợi thừng ở gác bếp để thầy mắc lại cái võng, thế này cao quá.

Cái Gái lấy ghế và thừng vào. Anh đi bảo:

- Để đấy cho thầy rồi ra vườn làm cỏ đi.

Nó ra vườn, anh gượng ngồi dậy, xuống khỏi giường, mon men ra đóng chặt cửa buồng lại. Anh lấy cái thừng, làm một cái tròng chắc chắn, dùng hết sức tàn còn lại, trèo lên ghế, hai chân khăng khiu run lấy bẫy. Anh buộc cẩn thận một đầu dây lên xà nhà, buộc xong, mệt quá, anh đu vào cái thừng, gục đầu xuống thở. Anh thấy lòng chua xót, nước mắt giàn ra hai má lồm. Rồi anh quả quyết, anh đứng thẳng người lên, chui đầu vào tròng, cái thừng cứng cáp cọ vào cổ làm anh rùng mình, khóc nức lên một tiếng. Cả cái

¹ Từ “đi” trước đây không mang nghĩa tiêu cực như ngày nay mà là từ ở nông thôn thường dùng (thằng cu, cái đi). “Đi Chuột” cách đặt tên người nôm na, bình dị.

² giậu: hàng rào

thân hình mảnh dẻ bắt đầu rung chuyển như một tàu lá run trước gió. Bỗng anh ngừng bật, ngậy người ra nghe ngóng. Tiếng ai vừa gọi ngoài ngõ, tiếp đến cái Gái thừa và chạy ra, tiếng người kia the thé:

- Bu³ mày đâu?

Tiếng cái Gái rụt rè đáp lại:

- Bẩm bà, bu con đi vắng.

- Đi vắng! Đi vắng mãi! Mày về bảo con mẹ mày nội⁴ ngày mai không trả tiền tao thì tao đào mả lên đấy. Cái giống⁵ chỉ biết ăn không.

Anh đã Chuột rít hai hàm răng lại. Hai chân giậm dừ đập phắt cái ghế đồ văng xuống đất. Cái tròng rút mạnh lại. Cái bộ xương bọc da giầy giữa như một con gà bị bẫy, sau cùng, nó chỉ còn giật từng cái chậm dưới sợi dây thừng lỏng lẻo.

Ở ngoài ngõ, mẹ con chị Chuột vừa kêu khóc vừa van lạy. Bà Huyện nhất định bắt mẻ gạo⁶ mới đóng để trừ sáu hào⁷ nợ chị Chuột vay từ hai tháng trước cho chồng uống thuốc.

(Trích “Nghèo”, Nam Cao, truyện ngắn Nam Cao, tập 1, NXB Văn học, năm 2003, tr.5-10.)

Câu 1 (0.5 điểm): Nêu đề tài của văn bản.

Câu 2 (0.5 điểm): Nhà văn đặt điểm nhìn chủ yếu của văn bản qua nhân vật nào?

Câu 3 (1.0 điểm): Nhận xét về nhân vật anh đã Chuột.

Câu 4 (1.0 điểm): Phân tích hiệu quả biểu đạt của 01 biện pháp tu từ trong câu văn “*Cả cái thân hình mảnh dẻ bắt đầu rung chuyển như một tàu lá run trước gió*”

Câu 5 (2.0 điểm): Từ nội dung đoạn trích ở phần Đọc hiểu, anh/chị hãy viết một đoạn văn 5-7 câu trình bày suy nghĩ của mình về ý nghĩa của thái độ sống tích cực.

II. VIẾT (5,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích và đánh giá nét nổi bật trong nghệ thuật kể chuyện của nhà văn Nam Cao qua đoạn trích: “Nghèo”.

ĐỀ 2

I. ĐỌC HIỂU (5.0 điểm)

Đọc đoạn trích:

(Tóm tắt đoạn trước đó: Câu chuyện kể về một kẻ nghiện rượu bỗng một ngày lên cơn thèm thịt chó. Khi nhìn thấy con chó nhà mình nằm ở bờ rào hắn đã viện đủ lí do để thịt nó. Đám con đói lâu ngày cũng háo hức chờ được ăn. Người vợ đành đi mua chịu thêm gạo, rượu, mắm để về nấu. Thế nhưng khi nấu xong, gã chồng mời bạn bè về nhậu. Dưới bếp mấy mẹ con còm cõi nheo nhóc ngồi chờ.)

³ Bu: mẹ

⁴ Nội: trong ngày

⁵ Cái giống: cái đồ

⁶ Mẻ gạo: chỗ gạo, thúng gạo

⁷ Hào: đơn vị tính tiền ngày xưa

Người mẹ rất còm cõi và bốn đứa con gầy ốm, quây quần với nhau trong xó bếp. Trong gia đình này, năm mẹ con thường giống như một bọn dân hèn yếu cùng chung phận con sâu, cái kiến dưới cái ách một ông bạo chúa.

Thấy lũ con đứa nào cũng nhăn nhăn, nhỏ nhỏ, người mẹ thương đứt ruột. Thị biết rằng chúng đói. Khi người ta đã đói mà lại ngửi thấy mùi thịt chó, thì bụng càng đói thêm. Thế mà bữa rượu của người bố với ba ông khách cứ kéo dài mãi. Nghĩ mà bức quá! Cái thể không chết được, chứ giá chết được thì thị chỉ thắt cổ đi cho rồi....Thị dỗ con:

- Cô mà nhịn lúc nữa, các con ạ. Đợi trên nhà ăn xong, còn thừa thì ta ăn.

Rồi muốn cho chúng quên đi, thị sổ tóc ra cho chúng xúm vào bắt chấy. Úi chà! Nhiều chấy quá! Chỉ việc rẽ một đám tóc ra là đủ thấy bốn, năm con bò lổm ngổm. Cái Gái và cu Nhón, cu Nhờ thì nhau bắt. Chúng cho cu Con mấy con chấy kên làm trâu. Mới đầu cái trò chơi ấy cũng hay hay. Nhưng chỉ một lúc là chúng chán. Thằng cu Con ra hiệu đình công trước. Nó lặn vào lòng mẹ, oằn oại vừa hự hị kêu:

- Đói!...Bu ơi! Đói...

Tức khắc những đứa kia cũng nhớ ra rằng chúng đói. Chúng không bắt chấy cho mẹ nữa. Chúng thở dài. Chúng nuốt bọt nhem nhép. Chúng thừ mặt ra. Chúng nằm ẹp xuống đất và lật áo lên để khoe cái bụng. Bụng đứa nào đứa nấy cũng gằn dính lưng. Mắt thị rom róm nước. Cũng may, tiếng người bố trên nhà gọi:

- Cái Gái đâu! Đẹp mâm đi, này!

Bốn đứa trẻ cùng nhồm dậy: mặt chúng đột nhiên tươi tỉnh lại. Gái “vâng” một tiếng thật to và chạy lên. Cu Nhón, cu Nhờ ngồi chồm chồm đợi...Một lát sau, Gái bê mâm xuống. Nó cũng nâng lên ngang mặt như cha lúc nãy. Các em nó đứng cả lên, chực đu lấy cái mâm. Nó càng nâng cao hơn, mồm thét:

- Khoan! Khoan! Kẻo vỡ...

Cu Nhón thét:

- Thì bỏ xuống!

Cái Gái vênh mặt lên, trêu nó:

- Không bỏ. Không cho chúng mày ăn.

- Có sợ thành tật không?

- Không cho ăn thật đấy.

Cu Nhờ sốt ruột, khoằm mặt lại, văng nhau với chị:

- Làm trò mãi! Có bỏ xuống đây không nào?

Gái hạ nhanh mâm xuống đất bảo:

- Này, ăn đi.

Nó ngẩng mặt nhìn các em, cười the thé. Người mẹ xịu ngay xuống. Trong mâm, chỉ còn bát không. Thằng cu Con khóc òa lên. Nó lặn ra, chân đạp như một người giầy chết, tay cào xé mẹ. Người mẹ đỏ mũi lên và mếu xệch đi, rung rung khóc. Cái Gái và cu Nhón, cu Nhờ cũng khóc theo.

(Trích Trẻ con không được ăn thịt chó - Nam Cao)

Thực hiện các câu hỏi:

Câu 1. Xác định ngôi kể của đoạn trích.

Câu 2. Người kể chuyện đặt điểm nhìn ở đâu khi miêu tả cảm xúc của người mẹ trong đoạn: Thấy lũ con đứa nào cũng nhăn nhăn, nhỏ nhỏ, người mẹ thương đứt ruột. Thị

biết rằng chúng đói. Khi người ta đã đói mà lại ngửi thấy mùi thịt chó, thì bụng càng đói thêm. Thế mà bữa rượu của người bố với ba ông khách cứ kéo dài mãi. Nghĩ mà bức quá! Cái thể không chết được, chứ giá chết được thì thị chỉ thất cổ đi cho rồi?

Câu 3. Xác định 01 biện pháp tu từ trong đoạn văn: *Tức khắc những đứa trẻ kia cũng nhớ ra rằng chúng đói. Chúng không bắt chấy cho mẹ nữa. Chúng thở dài. Chúng nuốt nước bọt nhem nhép. Chúng thừ mặt ra. Chúng nằm ẹp xuống đất và lật áo lên để khoe cái bụng. Bụng đứa nào cũng gàn dĩnh lưng."*

Câu 4. Người kể chuyện bộc lộ thái độ như thế nào đối với nhân vật người mẹ và những đứa con qua điểm nhìn và lời kể ở đoạn *Người mẹ xịu ngay xuống. Trong mâm, chỉ còn bát không. Thằng cu Con khóc òa lên. Nó lăn ra, chân đạp như một người giấy chết, tay cào xé mẹ. Người mẹ đỏ mũi lên và mếu xệch đi, rưng rưng khóc. Cái Gái và cu Nhón, cu Nhỡ cũng khóc theo?*

Câu 5. Từ câu chuyện trong đoạn trích, anh/chị hãy viết đoạn văn 5-7 câu bàn về bản lĩnh của con người trong cuộc sống.

II. VIẾT (5,0 điểm)

Viết bài văn nghị luận (khoảng 500 chữ) phân tích và đánh giá nét nổi bật trong nghệ thuật kể chuyện của nhà văn Nam Cao qua đoạn trích: “Trẻ con không được ăn thịt chó”.

Phường 1 Bảo Lộc ngày 20 tháng 10 năm 2025

*** Nhóm Văn 11**

Tổ trưởng



Nguyễn Thị Bảo Thúy